TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1404/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thu

2. Bà Huỳnh Thị Khả Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 506/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 559/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 509/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh ngày: 03/7/1978 (vắng mặt)

CCCD số 079178015979

Địa chỉ: 38/5M, Ấp 110, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 38/5M, Ấp 55, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc Q, sinh ngày: 10/11/1978 (vắng mặt)

CCCD số 079078005595

Địa chỉ: 38/5M, Ấp 110, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 38/5M, Ấp 55, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày:

Bà L và ông Trần Ngọc Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2002 tại UBND xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2022, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn có tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Mặc dù còn sống chung nhà nhưng vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà L nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc M (sinh ngày 21/11/1998) và Trần Thị Yến N (sinh ngày 01/6/2000). Các con đã trưởng thành nên không có yêu cầu đối với con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, bị đơn ông Trần Ngọc Q trình bày:

Ông Q và bà Huỳnh Thị Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới. Cuộc sống gia đình cũng hạnh phúc. Bà L yêu cầu ly hôn có lẽ do có hôm ông Q giận rồi mắng vợ con. Nay ông Q không muốn ly hôn vì không muốn cha mẹ buồn, con cháu khổ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc M (sinh ngày 21/11/1998) và Trần Thị Yến N (sinh ngày 01/6/2000). Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Trần Ngọc Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 1/2002 ngày 14/3/2002 do Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông Q vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Hiện nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Q. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà L và ông Q đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Q

[6] Về con chung: Bà L và ông Q có 02 con chung tên Trần Ngọc M (sinh ngày 21/11/1998) và Trần Thị Yến N (sinh ngày 01/6/2000). Các con đã trưởng thành nên không giải quyết về con chung.

[7] Về tài sản chung: Bà L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà L và ông Q khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà L chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Ngọc L được ly hôn với ông Trần Ngọc Q.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc M (sinh ngày 21/11/1998) và Trần Thị Yến N (sinh ngày 01/6/2000). Các con đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà L đã nộp theo biên lai số 0083470 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV 8 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV 8 – TP.HCM;
- UBND xã Đông Thạnh, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam